

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nghiêm Thị Thanh Thúy

**BẢO ĐẢM LỢI ÍCH QUỐC GIA - DÂN TỘC
TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM
(2011 - 2023)**

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế
Mã số: 9310601.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC

HÀ NỘI - 2025

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Bùi Hồng Hạnh
2. TS. Đoàn Thị Thu Hương

Phản biện: GS.TS. Nguyễn Hồng Quân
Viện Chiến lược và Lịch sử Quốc phòng Việt Nam

Phản biện: GS.TS. Trần Thị Vinh
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Phản biện: PGS.TS. Lê Đình Tĩnh
Bộ Ngoại giao Việt Nam

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp ĐHQG chấm luận án tiến sĩ
hợp tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
vào hồi: giờ ngày tháng năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nghiên cứu sinh quyết định lựa chọn đề tài ***“Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam (2011 - 2023)”*** làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế vì hai lý do chính:

Thứ nhất, lợi ích quốc gia - dân tộc là vấn đề tối thượng, “bất biến” của mọi quốc gia có chủ quyền trên thế giới trong hoạch định, thực thi chiến lược, chính sách xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do đó, bảo đảm và tối đa hóa lợi ích quốc gia - dân tộc luôn là ưu tiên hàng đầu của các quốc gia trên thế giới, bao gồm Việt Nam.

Giai đoạn 2011 - 2023 đánh dấu bước phát triển quan trọng trong đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam bởi sự hội nhập quốc tế sâu rộng, mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với Việt Nam trong bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc.

Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực biến động hết sức nhanh chóng, phức tạp và khó lường, chính sách đối ngoại của Việt Nam đứng trước những yêu cầu mới, đòi hỏi phải có sự điều chỉnh, ứng xử linh hoạt, phù hợp với tình hình. Do đó, việc phân tích nội dung và thực tiễn triển khai “Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam (2011 - 2023)” nhằm nhận diện rõ cơ hội, thách thức và đề xuất giải pháp bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc là yêu cầu cấp thiết, góp phần bảo đảm an ninh và phát triển bền vững đất nước trong điều kiện tình hình khu vực và thế giới có nhiều biến động phức tạp.

Thứ hai, việc nghiên cứu đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn. Các công trình nghiên cứu về lợi ích quốc gia - dân tộc và bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc từ trước đến nay (theo tác giả Luận án được biết) chủ yếu tiếp cận từ góc độ lịch sử hoặc thống kê thực tiễn bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trên một số lĩnh vực, nêu lên một vài khía cạnh riêng lẻ của vấn đề hoặc theo từng giai đoạn. Chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, cập nhật và tiếp cận đối tượng nghiên cứu là “Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam (2011 - 2023)” trên cơ sở khung phân tích khoa học, kết hợp giữa lý thuyết quan hệ quốc tế về lợi ích quốc gia

với thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam, dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là cách tiếp cận mới, có tính hệ thống và thực chứng, giúp làm rõ đặc điểm, xu hướng và yêu cầu mới trong việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam (2011 - 2023) không chỉ cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam từ nay đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045, mà còn đóng góp vào những mảng còn trống trong các nghiên cứu hiện có liên quan chủ đề này.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận án là hệ thống hóa cơ sở lý luận; phân tích làm rõ nội dung và việc triển khai bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam (2011 - 2023), nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn. Qua đó, rút ra nhận xét và đề xuất giải pháp góp phần bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nêu trên, Luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

(1) Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong sách đối ngoại của Việt Nam.

(2) Phân tích nội dung và việc triển khai bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2023 trên ba phương diện: mục tiêu an ninh, mục tiêu phát triển và mục tiêu vị thế, gắn với các lợi ích quốc gia - dân tộc về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh.

(3) Rút ra một số đánh giá về việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2023. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp góp phần bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

+ Phạm vi về nội dung: Luận án tập trung phân tích việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam trên ba phương diện chính: an ninh, phát triển và vị thế, gắn với các lợi ích quốc gia - dân tộc về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh.

+ Phạm vi về thời gian: Luận án tập trung đánh giá việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2023. Năm 2011 là năm mà lần đầu tiên Đảng Cộng sản Việt Nam nêu mục tiêu đối ngoại “vì lợi ích quốc gia, dân tộc” trong Văn kiện Đại hội XI của Đảng. Năm 2023 là thời điểm nhìn lại nửa nhiệm kỳ triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

+ Phạm vi về không gian: Luận án tập trung luận giải việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam trên bình diện song phương và đa phương. Trong đó, trên bình diện song phương, chú trọng quan hệ với các nước láng giềng (Lào, Campuchia); các nước ASEAN; nước láng giềng có chung biên giới, nước lớn, nước có đặc điểm tương đồng về chế độ chính trị xã hội, có quan hệ truyền thống, hữu nghị lâu đời (Trung Quốc); các nước lớn (Mỹ, Nga, Nhật Bản); các nước bạn bè truyền thống (Ấn Độ, Cuba); trên bình diện đa phương, chú trọng các cơ chế hợp tác toàn cầu (UN, WTO), khu vực (ASEAN), liên khu vực (APEC, ASEM), tiểu vùng (GMS).

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

Luận án tiếp cận nghiên cứu từ các lý thuyết quan hệ quốc tế, bao gồm những luận điểm phù hợp của chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Tự do và chủ nghĩa Kiến tạo về bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại, kết hợp với phân tích thực tiễn chính sách đối ngoại của Việt Nam trên cơ sở bám sát nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2023.

Về cách tiếp cận, luận án vận dụng cách tiếp cận hệ thống, coi chính sách đối ngoại là một bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị - đối ngoại quốc gia, vận hành trong một môi trường quốc tế đầy biến động, phức tạp và đan xen lợi ích.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Bao gồm: Phương pháp phân tích - tổng hợp; Phương pháp phân tích chính sách; Phương pháp lịch sử - logic; Phương pháp phân tích diễn ngôn; Phương pháp phân tích tài liệu; Phương pháp S.W.O.T.

5. Nguồn tài liệu

Nghiên cứu sinh sử dụng các tài liệu chính thức, các sách chuyên khảo, tham khảo, công trình nghiên cứu, các bài báo đã được công bố trong và ngoài nước.

6. Đóng góp của Luận án

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung của luận án được bố cục làm 04 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án

Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam

Chương 3: Nội dung và việc triển khai bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam (2011 - 2023)

Chương 4: Nhận xét và đề xuất giải pháp góp phần bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn năm 2035

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

1.1.1. Các công trình nghiên cứu lý luận về bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại

Các công trình nghiên cứu của các học giả trong nước và nước ngoài về lý luận bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại là nguồn tài liệu quý giá giúp tác giả luận án thấy được khoảng trống trong quá trình tiếp cận nghiên cứu và triển khai luận án.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu thực tiễn triển khai bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại trên thế giới

Những nghiên cứu thực tiễn triển khai bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại trên thế giới đã cung cấp dữ liệu để tác giả Luận án tham khảo nhằm giải quyết những nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu về bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam

Các công trình nghiên cứu về bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam rất đa dạng và phong phú, giúp luận án kế thừa và vận dụng nhằm xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam nói chung, từ đó áp dụng cho việc phân tích bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam nói riêng.

1.2. Nhận xét

(1) Cho đến nay, chưa có công trình ở Việt Nam và nước ngoài nghiên cứu toàn diện, đầy đủ, cập nhật và tiếp cận đối tượng nghiên cứu là “Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2023”.

(2) Chưa có công trình ở Việt Nam hay nước ngoài nghiên cứu về “Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2023” một cách tổng thể, toàn diện từ cả góc độ lý thuyết và thực tiễn theo khung phân tích trên ba phương diện chính là mục tiêu an ninh,

mục tiêu phát triển và mục tiêu vị thế, gắn với các lợi ích quốc gia - dân tộc về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh.

(3) Các công trình đã công bố đề cập một số vấn đề liên quan đến thực tiễn bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có chủ yếu tiếp cận từ góc độ lịch sử và thống kê thực tiễn về lợi ích quốc gia - dân tộc cũng như việc triển khai bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trên một số lĩnh vực; nêu lên một vài khía cạnh riêng lẻ của vấn đề hoặc theo từng giai đoạn, do đó chưa phản ánh đầy đủ các khía cạnh bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam (2011 - 2023).

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ BẢO ĐẢM LỢI ÍCH QUỐC GIA - DÂN TỘC TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM

2.1. Các vấn đề lý luận về bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc

2.1.1. *Khái niệm bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc*

Trong luận án này, lợi ích quốc gia - dân tộc được xác định là tổng hòa các mục tiêu, giá trị và nhu cầu cơ bản của một quốc gia - dân tộc có chủ quyền, được thể hiện thông qua các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại, phù hợp với bản sắc dân tộc, ý chí cộng đồng và yêu cầu khách quan của môi trường quốc tế. Chính vì vậy, lợi ích quốc gia - dân tộc là cái đích mà chính sách đối ngoại hướng tới bảo đảm và hiện thực hóa; hay chính sách đối ngoại là phương tiện để hiện thực hóa và bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc.

Do đó, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc của một quốc gia là bảo đảm vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm hòa bình, ổn định chính trị - xã hội, ngăn ngừa chiến tranh, xung đột (an ninh); giữ vững cục diện xã hội ổn định, bảo đảm kinh tế - xã hội phát triển bền vững (phát triển); gia tăng ảnh hưởng, nâng cao vai trò, vị thế quốc tế (vị thế). Nói cách khác, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc chính là bảo đảm đồng thời các yếu tố an ninh, phát triển và vị thế của quốc gia trong mọi hoàn cảnh.

2.1.2. Các quan điểm lý luận về bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc

2.1.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Hiện thực

Chủ nghĩa Hiện thực cho rằng, lợi ích quốc gia - dân tộc, đặc biệt là an ninh và quyền lực là mục tiêu tối cao của mọi quốc gia. Việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc là ưu tiên hàng đầu, vượt lên trên các giá trị, như đạo đức, công lý hay hợp tác quốc tế. Chính sách đối ngoại của quốc gia phải được định hướng bởi lợi ích quốc gia - dân tộc. Quốc gia chỉ có thể bảo đảm và mở rộng lợi ích quốc gia - dân tộc bằng sức mạnh, đặc biệt là sức mạnh quân sự và sức mạnh chính trị.

2.1.2.2. Quan điểm của chủ nghĩa Tự do

Theo chủ nghĩa tự do, hòa bình (chính trị) và thịnh vượng (kinh tế) là những lợi ích quốc gia - dân tộc quan trọng nhất, nên đây cũng là hai lĩnh vực cơ bản nhất trong quan hệ quốc tế, gắn bó mật thiết và tác động qua lại lẫn nhau. Nói cách khác, lợi ích phát triển, nhất là lợi ích kinh tế, chính là cơ sở hợp tác giữa các quốc gia. Quốc gia càng tích cực đóng góp vào các vấn đề toàn cầu, càng nâng cao được uy tín, vị thế quốc tế và bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc.

2.1.2.3. Quan điểm của chủ nghĩa Kiến tạo

Dưới góc nhìn của chủ nghĩa kiến tạo, bản sắc quốc gia được xem là nền tảng của lợi ích quốc gia - dân tộc và có sự ảnh hưởng đến quan niệm về lợi ích quốc gia - dân tộc của quốc gia. Bản sắc quốc gia thay đổi thì lợi ích quốc gia - dân tộc cũng thay đổi. Bản sắc quốc gia không bất biến mà phụ thuộc vào bối cảnh lịch sử, chính trị, văn hóa - xã hội. Các quốc gia có bản sắc tương đồng càng nhiều, khả năng hợp tác càng cao và duy trì hợp tác càng lâu bền hơn nếu cùng lợi ích chung. Một quốc gia có thể bảo đảm và mở rộng lợi ích quốc gia - dân tộc thông qua việc xây dựng bản sắc hòa bình, sự tin cậy chính trị và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

2.1.2.4. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về lợi ích quốc gia - dân tộc và bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố dân tộc và yếu tố giai cấp, giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế, giữa truyền thống và hiện đại. Vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác -

Lênin vào điều kiện cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, nguyên tắc hàng đầu trong đường lối đối ngoại và hoạt động ngoại giao của Việt Nam là phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên “trên hết, trước hết”, coi đây là nguyên tắc tối cao trong quá trình lãnh đạo cách mạng. Để bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, cần nhất quán quan điểm độc lập, tự chủ gắn với đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

2.1.3. Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam

Trong luận án, lợi ích quốc gia - dân tộc Việt Nam là phạm trù bao quát toàn bộ những giá trị cốt lõi và điều kiện thiết yếu bảo đảm cho sự tồn tại độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và sự phát triển bền vững, trường tồn của quốc gia - dân tộc. Nội hàm của lợi ích quốc gia - dân tộc Việt Nam không chỉ gắn với nhu cầu sống còn của đất nước, mà còn phản ánh mục tiêu chiến lược xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia, duy trì hòa bình, ổn định chính trị - xã hội, ngăn ngừa chiến tranh, xung đột, tạo nền tảng cho phát triển toàn diện về kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, qua đó không ngừng nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam được xác định vừa mang nội hàm mục tiêu chính sách đối ngoại, vừa là cơ sở, nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối ngoại của Việt Nam để thực hiện thành công ba mục tiêu: *an ninh* (bảo đảm giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền và an ninh quốc gia gắn với xây dựng chủ nghĩa xã hội; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng), *phát triển* (thúc đẩy đất nước phát triển toàn diện và bền vững theo con đường xã hội chủ nghĩa) và *vị thế* (tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, nâng cao địa vị quốc gia, phát huy tầm ảnh hưởng trên trường quốc tế).

Ba mục tiêu trên gắn kết chặt chẽ với nhau, tạo nên tính tổng thể, hoàn chỉnh của lợi ích quốc gia - dân tộc Việt Nam; đồng thời, giúp cho việc thực hiện và bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới luôn đạt hiệu quả.

2.1.4. Cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam

Sức mạnh tổng hợp quốc gia là cơ sở nền tảng để Việt Nam bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc. Đây không chỉ là yếu tố quyết định sự ổn định và phát triển lâu dài, mà còn là “lá chắn” để Việt Nam bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ trong mọi tình huống.

2.1.5. Phương thức bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam

(1) Kiên trì kết hợp hài hòa giữa đối ngoại song phương và đối ngoại đa phương.

(2) Kiên định về nguyên tắc, linh hoạt về sách lược.

(3) Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác đối ngoại.

(4) Kết hợp đối ngoại chính trị với đối ngoại kinh tế, đối ngoại quốc phòng - an ninh, đối ngoại văn hóa..., tạo thành một chỉnh thể thống nhất.

(5) Đề cao việc xác lập và bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở luật pháp quốc tế và các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc.

2.2. Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam trước năm 2011

2.2.1. Giai đoạn trước năm 1986

Việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc được Việt Nam khẳng định từ rất sớm. Trong thời kỳ phong kiến, Việt Nam xác định lợi ích cao nhất của quốc gia - dân tộc là *độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ*.

Truyền thống đó được tiếp nối và phát triển trong giai đoạn lịch sử của nước Việt Nam hiện đại. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định lợi ích cao nhất của quốc gia - dân tộc là *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*.

Trong thời kỳ trước khi tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam nhấn mạnh và đề cao *mục tiêu an ninh* (độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội) trong bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc.

2.2.2. Giai đoạn từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến năm 2011

Bước sang thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định *bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc là bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định để phát*

triển kinh tế - xã hội. Điều này thể hiện rõ nét sự đổi mới tư duy đối ngoại của Việt Nam, chuyển từ “mục tiêu an ninh” sang “mục tiêu phát triển”. Để đạt được mục tiêu, Việt Nam đã xác lập một số định hướng đối ngoại chủ đạo, thể hiện sự kết hợp giữa lập trường nguyên tắc với sự linh hoạt trong ứng xử, phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn và bối cảnh cụ thể.

(1) Đổi mới kinh tế gắn chặt với bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc.

(2) Tăng cường bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự - an toàn xã hội.

(3) Đẩy mạnh triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, mở rộng hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, đưa Việt Nam hội nhập với khu vực và thế giới.

2.3. Những nhân tố tác động đến bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam (2011 - 2023)

2.3.1. Nhân tố khách quan

(1) Tốc độ toàn cầu hóa diễn ra chậm hơn, xu hướng “phân mảnh” của nền kinh tế thế giới ngày càng rõ nét.

(2) Thế giới đang trải qua những biến động để tái định hình một trật tự mới, theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc.

(3) Tự chủ chiến lược trở thành định hướng chính sách của nhiều quốc gia trên thế giới nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc.

(4) Các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng có nguy cơ chuyển hóa thành vấn đề an ninh truyền thống, tác động nhiều mặt đến an ninh và phát triển của các quốc gia, khiến các quốc gia ý thức cao hơn về bảo vệ đường biên giới quốc gia.

(5) Các thể chế đa phương đối mặt với thách thức chưa từng có do sự gia tăng hành vi đơn phương, chính trị cường quyền, sự tiếp diễn phức tạp của chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa dân tộc vị kỷ.

2.3.2. Nhân tố chủ quan

(1) Quan hệ đối ngoại ngày càng rộng mở; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được củng cố và nâng cao.

(2) Bức tranh kinh tế có nhiều khởi sắc.

(3) Tiềm lực quốc phòng - an ninh được củng cố và tăng cường.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế vĩ mô của Việt Nam cơ bản ổn định nhưng chưa vững chắc, nền kinh tế phát triển chưa bền vững; năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Khủng hoảng năng lượng trên quy mô toàn cầu kéo theo nhiều hệ quả khó lường cho nền kinh tế đất nước, như thiếu nguồn cung xăng dầu, giá xăng dầu cao, lạm phát tăng. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Bên cạnh đó, mọi diễn biến của tình hình thế giới và trong nước, cả mặt thuận và mặt trái đều có thể hấp thụ được qua nhiều cách, nhiều chiều trên nhiều phương diện. Việc nghe, nhìn, cũng như suy nghĩ của mỗi người trong điều kiện thông thoáng bên trong, mở cửa, hội nhập với bên ngoài hôm nay đã khác hôm qua. Điều đó có tác động lớn đến việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam hiện nay.

Tiểu kết chương 2

Cơ sở lý luận của luận án được xây dựng dựa trên những luận điểm phù hợp của ba trường phái lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu nêu trên về bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại. Những luận điểm này được vận dụng trên cơ sở bám sát nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản về bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại để làm rõ nội hàm, cơ sở bảo đảm, phương thức bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam, cũng như những nhân tố tác động đến bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc giai đoạn 2011 - 2023.

Cùng với đó, dưới sự soi chiếu của khung lý thuyết, việc nghiên cứu bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam trước năm 2011 cùng những nhân tố tác động bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2023 đã góp phần kiểm chứng giá trị của mạch lý thuyết về bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam, đồng thời cung cấp cơ sở thực tiễn làm nền tảng cho việc nghiên cứu nội dung và quá trình triển khai bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2023.

Dựa trên những kết quả của chương 2, chương 3 sẽ làm rõ nội dung và quá trình triển khai bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2023 trên ba phương diện chính: mục tiêu về an ninh, mục tiêu về phát triển, mục tiêu về vị thế, gắn với các lợi ích quốc gia dân tộc về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội quốc phòng - an ninh; từ đó, làm căn cứ đề xuất hàm ý chính sách góp phần bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong bối cảnh mới.

Chương 3. NỘI DUNG VÀ VIỆC TRIỂN KHAI BẢO ĐẢM LỢI ÍCH QUỐC GIA - DÂN TỘC TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM (2011 - 2023)

3.1. Nội dung bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam

3.1.1. Quan điểm chỉ đạo bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam

Quan điểm chỉ đạo bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam được hình thành và phát triển trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và được bổ sung, hoàn thiện qua các kỳ Đại hội của Đảng. Trong mọi giai đoạn cách mạng Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn đẩy mạnh hội nhập quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; kiên định về nguyên tắc, mục tiêu, linh hoạt, khôn khéo về sách lược được thực hiện nhất quán, đồng bộ, hiệu quả; đồng thời, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân.

3.1.2. Phương châm chỉ đạo bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế [31, 235 - 236].

Kiên quyết, kiên trì trong xử lý những vấn đề liên quan đến biên giới, lãnh thổ, đến những khác biệt về dân chủ, nhân quyền và tự do tôn giáo...; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa [32, 153].

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp của các thế lực thù địch vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị đất nước [32, 163].

3.1.3. Mục tiêu bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam

Đại hội XI của Đảng lần đầu tiên nêu mục tiêu đối ngoại “vì lợi ích quốc gia, dân tộc” [31, 83 - 84]. Tại Đại hội XII và Đại hội XIII của Đảng, mục tiêu đối ngoại vì lợi ích quốc gia - dân tộc tiếp tục được khẳng định và xác định rõ tầm quan trọng, khi nhấn mạnh: “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi” [33, 161 - 162]. Trên cơ sở định hướng về mục tiêu đối ngoại của Đảng qua các kỳ đại hội, có thể xác định lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam trong giai đoạn 2011 - 2023 và thời gian tới tiếp tục tập trung trên ba phương diện mục tiêu chính: an ninh, phát triển và vị thế. Ba mảng lợi ích này có tác động qua lại, tương hỗ nhau, trong đó ưu tiên hơn cho mục tiêu phát triển.

3.1.4. Nguyên tắc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam

Khi lợi ích quốc gia - dân tộc được xác định là mục tiêu đối ngoại thì nguyên tắc cao nhất của đối ngoại cũng là vì lợi ích quốc gia - dân tộc. Tuy nhiên, trước khi mục tiêu đối ngoại “vì lợi ích quốc gia - dân tộc” được nêu rõ trong Văn kiện Đại hội XI của Đảng, lợi ích quốc gia - dân tộc đã được coi là nguyên tắc đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ Đại hội XII của Đảng, hai nguyên tắc hoạch định và triển khai đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam để bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc đã được làm rõ trong Văn kiện Đảng, đó là: (1) Vì lợi ích quốc gia -

dân tộc; (2) Trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi. Bên cạnh hai nguyên tắc này, từ năm 2009 đến nay, nguyên tắc “bốn không” trở thành nguyên tắc trong đối ngoại nói chung và đối ngoại quốc phòng - an ninh nói riêng của Việt Nam.

3.1.5. Định hướng, nhiệm vụ bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam

Định hướng ưu tiên đối ngoại của Việt Nam trong thời gian tới bao gồm 5 vấn đề: (1) Giữ vững quan điểm độc lập, tự chủ, tự cường, lợi ích quốc gia - dân tộc là trên hết, trước hết; (2) Tiếp tục đẩy mạnh quan hệ với các nước láng giềng, nước lớn, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, bạn bè truyền thống và các đối tác quan trọng khác đi vào chiều sâu, thực chất; (3) Tăng cường đóng góp trong duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực và trên thế giới; (4) Phát huy cao độ vai trò của đối ngoại, huy động cao nhất sức mạnh thời đại góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa; (5) Xây dựng nền ngoại giao hiện đại dựa trên sự kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân.

3.2. Việc triển khai bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam (2011 - 2023)

Chính sách đối ngoại của Việt Nam luôn được xây dựng trên hai nguyên tắc hoạch định và triển khai đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được làm rõ trong Văn kiện Đảng, đó là vì lợi ích quốc gia - dân tộc; trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế; đồng thời, hướng tới hòa bình, hợp tác và phát triển. Việc triển khai chính sách này gắn bó chặt chẽ với ba mục tiêu chính: an ninh, phát triển và vị thế quốc gia, giúp Việt Nam không chỉ bảo đảm an ninh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế, mà còn nâng cao vai trò và uy tín trên trường quốc tế. Đây là một chiến lược tổng thể, linh hoạt, phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa và những thách thức, cơ hội mới đan xen của thế kỷ XXI.

3.2.1. Về an ninh

3.2.1.1. Việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ song phương

Bám sát quan điểm bảo đảm an ninh, chủ quyền quốc gia và giữ vững toàn vẹn lãnh thổ trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện vào đời

sống quốc tế trên cơ sở gắn chặt với bảo vệ hòa bình, ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ các giá trị chuẩn mực của luật pháp quốc tế, các hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn này chú trọng vào củng cố an ninh biên giới với các nước láng giềng Trung Quốc, Lào và Campuchia; làm sâu sắc quan hệ an ninh với các quốc gia thành viên ASEAN; mở rộng hợp tác an ninh với các đối tác khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương góp phần duy trì thế cân bằng trong môi trường an ninh khu vực, đồng thời tranh thủ nguồn lực phục vụ phát triển và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

(1) Củng cố an ninh biên giới với các nước láng giềng Trung Quốc, Lào và Campuchia.

(2) Làm sâu sắc quan hệ an ninh với các quốc gia thành viên ASEAN.

(3) Mở rộng hợp tác an ninh với các đối tác khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương góp phần duy trì thế cân bằng trong môi trường an ninh khu vực, đồng thời tranh thủ nguồn lực phục vụ phát triển và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

3.2.1.2. Việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ đa phương

Từ năm 2011 - 2023, Việt Nam đã chủ động, tích cực và ngày càng có vai trò nổi bật trong nhiều cơ chế đa phương khu vực và toàn cầu, nhất là trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh. Thông qua hợp tác đa phương, Việt Nam không chỉ góp phần củng cố môi trường hòa bình, ổn định khu vực, mà còn bảo vệ hiệu quả độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao năng lực ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống, đồng thời khẳng định vị thế một quốc gia có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Điều này được thể hiện rõ nét ở một số điểm sau:

(1) Thúc đẩy hợp tác an ninh khu vực thông qua vai trò trong ASEAN.

(2) Khẳng định vai trò trong các thể chế toàn cầu về an ninh và hòa bình.

(3) Đẩy mạnh hợp tác an ninh phi truyền thống trong các cơ chế đa phương.

3.2.2. Về phát triển

3.2.2.1. Việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ song phương

Trong giai đoạn 2011 - 2023, Việt Nam đã thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đồng thời không ngừng thúc đẩy quan hệ song phương nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc. Một

trong những trụ cột quan trọng là tận dụng hiệu quả các quan hệ song phương để thúc đẩy phát triển toàn diện và bền vững đất nước. Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động nhanh chóng và khó lường, việc giữ vững nguyên tắc, đồng thời linh hoạt trong chiến lược hợp tác song phương đã trở thành một công cụ thiết yếu giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu phát triển lâu dài.

(1) Chuyển dịch từ tư duy chính trị - ngoại giao sang tư duy phát triển trong đối ngoại.

(2) Bảo đảm phát triển đất nước bền vững thông qua hội nhập kinh tế sâu rộng.

(3) Phát triển nguồn nhân lực và giáo dục - đào tạo.

(4) Gia tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ và nâng cao vị thế quốc tế.

3.2.2.2. Việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ đa phương

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, giai đoạn 2011 - 2023 là thời kỳ đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ của ngoại giao đa phương Việt Nam, đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, đồng thời tạo nền tảng để thúc đẩy đất nước phát triển toàn diện và bền vững.

(1) Khẳng định vị thế trong hệ thống đa phương khu vực và toàn cầu.

(2) Thúc đẩy liên kết kinh tế đa phương - nền tảng cho phát triển bền vững.

(3) Đóng góp vào các Mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu (SDGs).

(4) Gắn kết ngoại giao đa phương với quốc phòng - an ninh và văn hóa - xã hội.

3.2.3. Về vị thế

3.2.3.1. Việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ song phương

Giai đoạn 2011 - 2023 là thời kỳ Việt Nam bước vào tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng, đối mặt với nhiều thách thức và chuyển động lớn của trật tự khu vực và toàn cầu. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các

nước lớn gia tăng, các vấn đề an ninh phi truyền thống, xung đột địa - chính trị diễn biến ngày càng phức tạp, Việt Nam luôn kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển. Một trong những trụ cột nổi bật là việc chủ động, tích cực đẩy mạnh phát triển quan hệ song phương trên cơ sở bảo đảm vững chắc lợi ích quốc gia - dân tộc, qua đó góp phần nâng tầm vị thế quốc tế của đất nước một cách bền vững, thực chất. Điều này được thể hiện ở những nội dung chính sau:

- (1) Nâng tầm quan hệ đối tác.
- (2) Mở rộng không gian ảnh hưởng.

3.2.3.2. Việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ đa phương.

Trong giai đoạn này, Việt Nam đã không ngừng phát huy vai trò là một thành viên chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu. Việc tham gia và dẫn dắt hiệu quả các hoạt động đa phương không chỉ góp phần bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, mà còn từng bước nâng cao vị thế, mở rộng ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế.

- (1) Khẳng định vai trò ngày càng nổi bật trong các tổ chức và diễn đàn quốc tế.
- (2) Dẫn dắt và định hình “luật chơi” quốc tế.
- (3) Tận dụng các khuôn khổ đa phương để mở rộng không gian chiến lược.
- (4) Góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và tạo dựng môi trường hòa bình.

Tiểu kết chương 3

Nhìn chung, xét về mặt lý thuyết, trong hệ thống quan hệ quốc tế hiện đại, mỗi quốc gia đều tìm cách bảo đảm và tối đa hóa lợi ích quốc gia - dân tộc dựa trên những cách tiếp cận chiến lược khác nhau. Đối với Việt Nam, giai đoạn 2011 - 2023 là thời kỳ chuyển biến mạnh mẽ về địa - chính trị, địa - kinh tế toàn cầu và an ninh khu vực. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã không tuyệt đối hóa một trường phái lý thuyết quan hệ quốc tế nào, mà linh hoạt vận dụng các yếu tố cốt lõi của chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Tự do và chủ nghĩa Kiến tạo, phù hợp với điều kiện và yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Chương 4. NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP GÓP PHẦN BẢO ĐẢM LỢI ÍCH QUỐC GIA - DÂN TỘC TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN NĂM 2045

4.1. Nhận xét

4.1.1. Đặc điểm bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam (2011 - 2023)

(1) Kế thừa và tiếp tục phát huy những giá trị truyền thống đối ngoại của dân tộc, qua đó tạo thêm những xung lực mới cho sự phát triển của đất nước.

(2) Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống chính trị.

(3) Hòa giải lợi ích quốc gia - dân tộc với lợi ích quốc tế trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và những giá trị chuẩn mực của luật pháp quốc tế.

(4) Đề cao mục tiêu phát triển trong chính sách đối ngoại.

(5) Bảo đảm an ninh quốc gia được xem là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

(6) Đối ngoại đa phương đóng vai trò “mũi nhọn” của chính sách đối ngoại trong việc góp phần thúc đẩy lợi ích quốc gia - dân tộc, củng cố, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

(7) Tích cực, chủ động nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

(8) Đẩy mạnh ngoại giao đa trụ cột: Đảng - Nhà nước - Nhân dân.

4.1.2. Thuận lợi, khó khăn

4.1.2.1. Thuận lợi

Về an ninh, năng lực quân sự của Việt Nam đã gia tăng nhanh chóng.

Về phát triển, trật tự thế giới “đa cực”, “đa trung tâm quyền lực” đang hình thành ngày càng rõ nét cho phép Việt Nam có điều kiện để thực hiện phương châm “dĩ bất biến ứng vạn biến” trong quan hệ quốc tế và lựa chọn những kẻ sách phù hợp để bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc.

Về vị thế, thuận lợi căn bản nhất chính là hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế lớn, tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam có chỗ dựa tham

gia quá trình hội nhập quốc tế một cách bình đẳng, sâu rộng, cũng như cơ hội phát huy giá trị địa - chiến lược của đất nước.

4.1.1.2. Khó khăn

Về an ninh, cục diện thế giới và khu vực biến đổi khó lường, khó đoán định, gây không ít khó khăn cho công tác dự báo chiến lược.

Về phát triển, Việt Nam sẽ đối mặt với nguy cơ tụt hậu nếu không kịp thời nắm bắt các xu thế mới và thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Về vị thế, tuy được đánh giá ngày càng có vị thế, vai trò cao bởi cộng đồng quốc tế và khu vực, với nhiệm vụ nâng cao hơn nữa “thương hiệu quốc gia”, song Việt Nam còn khá nhiều việc cần giải quyết.

4.2. Những vấn đề đặt ra

4.2.1. Về an ninh

(1) Đổi mới tư duy về việc tận dụng các cơ hội và vượt qua những thách thức đang nổi lên.

(2) Nhận thức rõ, linh hoạt, biện chứng về “đối tác”, “đối tượng”.

(3) Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; duy trì cục diện đối ngoại rộng mở, thuận lợi cho phát triển trong bối cảnh môi trường quốc tế đầy biến động.

(4) Lợi ích quốc gia - dân tộc là mục tiêu cơ bản và nhân tố quyết định trong việc hoạch định chính sách đối ngoại.

4.2.2. Về phát triển

(1) Mở rộng không gian hội nhập và liên kết.

(2) Tranh thủ các xu thế phát triển mới đang nổi lên.

(3) Hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực nội sinh

4.2.3. Về vị thế

(1) Phát huy thế mạnh đặc thù của đối ngoại Nhân dân với đặc điểm chủ thể là Nhân dân trong các quan hệ và hoạt động đối ngoại.

(2) Xây dựng lòng tin với các đối tác chủ động hơn, tích cực hơn.

(3) Đẩy mạnh vai trò dẫn dắt thông qua các sáng kiến, ý tưởng, chủ động đóng góp vào xây dựng, tham gia định hình quy tắc, quy định các nguyên tắc ứng xử trong quan hệ quốc tế, quy định về luật pháp quốc tế.

4.3. Đề xuất giải pháp góp phần bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

4.3.1. Nhóm giải pháp chung

Thứ nhất, kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ hai, quán triệt, vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về đối ngoại, hội nhập quốc tế.

Thứ ba, phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại góp phần củng cố vững chắc môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, đi đôi với bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Thứ tư, tiếp tục các nỗ lực thể chế hóa, đồng bộ hóa, hệ thống hóa các quyết sách quốc gia để các mục tiêu an ninh, phát triển và vị thế không chỉ bổ sung, mà còn tạo đòn bẩy cho nhau, tạo nên sức mạnh cộng hưởng.

4.3.2. Nhóm giải pháp cụ thể

4.3.2.1. Về an ninh

(1) Phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp, tuyệt đối của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh trong chính sách đối ngoại.

(2) Củng cố nền tảng đối ngoại an ninh trên nguyên tắc độc lập, tự chủ, hòa bình, đa phương hóa và đa dạng hóa.

(3) Chủ động sử dụng công cụ ngoại giao và pháp lý để bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

(4) Nâng cao năng lực tự chủ chiến lược trong quan hệ quốc tế để giữ thế cân bằng, tránh lệ thuộc và bị cuốn vào cạnh tranh nước lớn.

(5) Phát huy hiệu quả hợp tác quốc tế về an ninh phi truyền thống để bảo đảm an ninh toàn diện.

(6) Kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại với quốc phòng - an ninh trong bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc.

(7) Bảo đảm an ninh con người trong hội nhập quốc tế.

(8) Nâng cao năng lực lãnh đạo chiến lược và phối hợp liên ngành trong bảo vệ lợi ích an ninh quốc gia

4.3.2.2. Về phát triển

(1) Tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia - nền tảng bảo đảm tự chủ chiến lược và hội nhập quốc tế thành công.

(2) Xây dựng thể và lực đối ngoại vững mạnh, phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại.

(3) Củng cố bản lĩnh chính trị, giữ vững độc lập, tự chủ và tự chủ chiến lược.

(4) Thúc đẩy hội nhập quốc tế thực chất, có chọn lọc và kiểm soát hiệu quả.

(5) Phát triển nền kinh tế tự chủ, tự cường, nâng cao sức chống chịu và thích ứng.

(6) Bảo đảm hài hòa giữa lợi ích quốc gia - dân tộc và lợi ích quốc tế.

4.3.2.3. Về vị thế

(1) Kết hợp hiệu quả ba trụ cột đối ngoại để tối ưu hóa tự chủ chiến lược.

(2) Đẩy mạnh đối ngoại đa phương, phát huy vai trò chủ động và sáng kiến quốc tế.

(3) Tăng cường bản lĩnh ứng xử và sách lược đối ngoại linh hoạt.

(4) Nâng cao vị thế quốc gia trong không gian số.

Tiểu kết chương 4

Trong hơn một thập niên qua (2011 - 2023), Việt Nam đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng trong việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện. Tuy nhiên, đến năm 2030, bối cảnh quốc tế và khu vực được dự báo có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục điều chỉnh và nâng cao năng lực hoạch định chiến lược nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc một cách toàn diện và bền vững. Khi soi chiếu vào khung phân tích bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc đã được trình bày ở Chương 2, có thể thấy, lợi ích quốc gia - dân tộc cần được hiểu và bảo đảm trên cả ba phương diện an ninh, phát triển và vị thế trong mối liên hệ biện chứng giữa thực tiễn, nguyên tắc và tầm nhìn dài hạn.

KẾT LUẬN

1. Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc vừa là nguyên tắc nền tảng, vừa là mục tiêu chiến lược và đồng thời là động lực phát triển xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Trong giai đoạn 2011 - 2023, trước những biến động sâu sắc của tình hình thế giới và khu vực, Việt Nam đã thể hiện bản lĩnh vững vàng, kiên định bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế và mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc và sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

2. Việc vận dụng các lý thuyết quan hệ quốc tế, như chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Tự do và chủ nghĩa Kiến tạo trong nghiên cứu chính sách đối ngoại của Việt Nam giúp soi sáng những yếu tố cấu thành lợi ích quốc gia - dân tộc từ nhiều chiều cạnh. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải đặt những lý thuyết này trong nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam - nơi kết tinh bản sắc đối ngoại “độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển”. Sự kết hợp linh hoạt giữa lý luận quốc tế hiện đại và nền tảng tư tưởng dân tộc đã giúp luận án lý giải và phân tích một cách toàn diện việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam trong giai đoạn 2011 - 2023.

3. Đối ngoại Việt Nam mang bản sắc riêng, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, thống nhất của Đảng và được triển khai đồng bộ thông qua ba kênh: đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân. Đường lối đối ngoại được kế thừa và phát triển nhất quán qua các kỳ Đại hội Đảng, luôn kiên định nguyên tắc đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, trước hết. Các chính sách đối ngoại then chốt, như chính sách quốc phòng “bốn không”, quan điểm “vừa hợp tác, vừa đấu tranh”, nguyên tắc xác định rõ “đối tác”, “đối tượng” trên cơ sở lợi ích, cùng chính sách cân bằng quan hệ giữa các nước lớn thể hiện rõ tư duy đối ngoại linh hoạt nhưng kiên định về nguyên tắc, nhằm giữ vững độc lập, chủ quyền, ổn định và tạo nền tảng cho phát triển đất nước toàn diện, bền vững.

4. Cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại Việt Nam giai đoạn 2011 - 2023 là sự tổng hòa giữa nội lực và ngoại lực. Nội

lực được thể hiện ở sự ổn định chính trị, tăng trưởng kinh tế, tiềm lực quốc phòng - an ninh vững chắc, bản sắc văn hóa dân tộc, sự đồng thuận xã hội và vai trò lãnh đạo của Đảng. Ngoại lực được phát huy thông qua chính sách hội nhập quốc tế chủ động, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, qua đó tạo thế đan xen lợi ích với các quốc gia, đặc biệt là các đối tác chiến lược và nước lớn, giúp Việt Nam nâng cao khả năng tự vệ chính trị, kinh tế trong môi trường quốc tế đầy bất định.

5. Phương thức bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc được triển khai đồng bộ và linh hoạt trên cả phương diện nguyên tắc và sách lược. Về nguyên tắc, Việt Nam kiên định thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bao gồm: bình đẳng, không can thiệp công việc nội bộ, tôn trọng chủ quyền, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, cùng có lợi. Về sách lược, Việt Nam vận dụng phương châm “dĩ bất biến ứng vạn biến”, xác định rõ “đối tác” và “đối tượng”, thực hiện chính sách quốc phòng “bốn không”, duy trì cân bằng chiến lược giữa các nước lớn, đồng thời triển khai ngoại giao toàn diện - đa phương tiện (bao gồm chính trị, kinh tế, quốc phòng, văn hóa, nhân dân và ngoại giao số) nhằm bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trong mọi tình huống.

6. Thực tiễn cho thấy, chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2023 đã góp phần quan trọng vào việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trên cả ba phương diện an ninh, phát triển và vị thế. Việt Nam giữ vững môi trường ổn định, chủ động hội nhập quốc tế, đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương, góp phần củng cố sức mạnh tổng hợp quốc gia và mở rộng ảnh hưởng trên trường quốc tế. Đồng thời, Việt Nam đóng vai trò tích cực trong việc định hình “luật chơi” quốc tế, nâng cao hình ảnh và vị thế quốc gia, từ đó khẳng định tính đúng đắn, sáng suốt của đường lối đối ngoại mà Đảng đã lựa chọn.

Trong giai đoạn tiếp theo, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc không chỉ là mục tiêu chiến lược, mà còn là tiêu chí hàng đầu để đánh giá hiệu quả hoạt động đối ngoại và năng lực hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Để tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu này, Việt Nam cần không

ngừng củng cố, gia tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia, chủ động thích ứng với chuyển biến toàn cầu, nâng cao năng lực phân tích - dự báo cũng như tận dụng tốt cơ hội hợp tác và kiểm soát hiệu quả thách thức xuyên biên giới.

Trên cơ sở đó, luận án đã đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện, bao gồm nhóm giải pháp chung và các giải pháp cụ thể đối với từng trụ cột lợi ích: (1) Bảo đảm an ninh quốc gia thông qua củng cố thể trận ngoại giao toàn dân, tăng cường xây dựng lòng tin chiến lược và nâng cao năng lực phòng ngừa xung đột; (2) Thúc đẩy phát triển đất nước bằng cách nâng cao hiệu quả ngoại giao kinh tế, hội nhập có chọn lọc và bền vững; (3) Nâng cao vị thế quốc tế thông qua mở rộng vai trò trong các cơ chế hợp tác khu vực và toàn cầu, đồng thời thúc đẩy hình ảnh Việt Nam là quốc gia có trách nhiệm, vị thế và uy tín ngày càng cao trên trường quốc tế.

Tóm lại, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2023 là minh chứng cho sự kết hợp hài hòa giữa tư duy lý luận và thực tiễn, giữa nguyên tắc và tính linh hoạt, giữa bản lĩnh dân tộc và tầm nhìn toàn cầu, qua đó phục vụ hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nghiêm Thị Thanh Thúy (2022), “Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* (988), tr.61-67.
2. Nghiêm Thị Thanh Thúy (2023), “Lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc trong chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua tác phẩm Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng”, *Tạp chí Cộng sản* (1.019), tr.61-68.
3. Nghiêm Thị Thanh Thúy (2023), “Giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc trong thời kỳ phát triển mới của đất nước”, *Tạp chí Cộng sản chuyên đề* (9), tr.173-180.
4. Nghiem Thi Thanh Thuy, Bui Hong Hanh, Doan Thi Thu Huong (2024), “Vietnam’s Contextual Perspective on National Interests”, *Internartional Journal of Social Science and Humanity* Vol. 14 (5), 2024, ISSN 2010-3646.
5. Nghiem Thi Thanh Thuy (2024), “Vietnam’s thinkings about ways to resolve the relationship between independence, self-reliance and international intergration for the national interests in the new context”, *Second International Conference on the Issues of Social Sciences and Humantities*, University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Press, Ha Noi, 2024, pp.424-436.
6. Nghiêm Thị Thanh Thúy (2025), “Tác động của bối cảnh quốc tế đến việc triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế”, *Tạp chí Cộng sản* (1.058), tr.104-111.